

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2021/HS-ST**

Ngày 09-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Viết Nguyên.
2. Ông Lê Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hồ Quang M**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 04/5/1990 tại thị trấn QL, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: K1, thị trấn QL, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: M; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hồ Minh N (đã chết); Con bà: Trịnh Thị Ph, sinh năm: 1960; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con út; Bị cáo có vợ là Vũ Thị H4, sinh năm: 1994; Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/7/2015, bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác (bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 28/7/2015).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 04/02/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trịnh Duy T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 02/9/1994 tại thị trấn QL, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: K4, thị trấn QL, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn:

10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Duy Đ (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H5, sinh năm: 1950; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con út; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 04/02/2021 chuyển tạm giam, đến ngày 10/2/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, đến ngày 04/6/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Khuông Văn N**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 04/4/1991 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Khuông Văn N1, sinh năm: 1968; Con bà: Bùi Thị L1, sinh năm: 1974; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con đầu; Bị cáo có vợ là Vũ Thị H5, sinh năm: 1999, có 01 con sinh năm 2021; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 04/12/2020, bị Công an huyện Yên Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác và hủy hoại tài sản (bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 05/02/2021).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 04/02/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Xuân K**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 16/8/1994 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Trị, sinh năm: 1960; Con bà: Vũ Thị Chàng, sinh năm: 1963; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con út; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 24/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội gây rối trật tự công cộng theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 04/02/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Trịnh Vũ Đức P**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 04/8/1996 tại xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn HT, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Quốc Tr1, sinh năm: 1964; Con bà: Vũ Thị K1, sinh năm: 1968;

Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con út; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 24/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội gây rối trật tự công cộng theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, đến ngày 04/02/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Trần Ngọc H1, sinh năm: 1987. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn DL, xã Z, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Mai Văn H3, sinh năm: 1966. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1994. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn CH, xã QĐ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chị Vũ Thị X, sinh năm: 1997. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 8, xã QL, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chị Trần Thị Tuyết L, sinh năm: 1998. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 116, Khóm 2, Phường Y, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Hiện đang làm việc tại Quán karaoke SC, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

6. Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1998. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp HB, xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

7. Chị Hồ Thị Ngọc Tr, sinh ngày: 26/10/2003. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp 2, xã TT B, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

8. Chị Phạm Thị Ngọc B, sinh ngày: 30/10/2005. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp LH, xã LK A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

9. Chị Huỳnh Thị Ngọc Gi, sinh ngày: 21/5/2006. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Khu vực LT, phường Đ, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Chị D, chị Tr, chị Ngọc B, chị Gi hiện đang làm việc tại Quán karaoke Họa Mi, thôn DY, xã ĐH, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Trợ giúp pháp lý cho chị Phạm Thị Ngọc B và chị Huỳnh Thị Ngọc Gi:* Bà Nguyễn Thị Ng - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 01 giờ 00 phút ngày 26/01/2021, tổ công tác Công an huyện Yên Định phối hợp với Công an xã ĐH tiến hành kiểm tra hành chính quán Karaoke Hòa Mi ở thôn DY, xã ĐH, huyện Yên Định phát hiện có 12 đối tượng đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát Vip 2, bao gồm: Hồ Quang M (sinh năm 1990, trú tại thị trấn QL, huyện Yên Định), Trịnh Duy T (sinh năm 1994, trú tại thị trấn QL, huyện Yên Định), Nguyễn Xuân K (sinh năm 1994, trú tại xã Đ, huyện Yên Định), Khương Văn N (sinh năm 1991, trú tại xã Đ, huyện Yên Định), Trịnh Vũ Đức P (sinh năm 1996, trú tại xã ĐH, huyện Yên Định), Nguyễn Văn L (sinh năm 1994, trú tại xã QĐ, thành phố Thanh Hóa), Vũ Thị X (sinh năm 1997, trú tại xã QL, huyện Yên Định), Hồ Thị Ngọc Tr (sinh ngày 26/10/2003, trú tại ấp 2, xã TT B, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp), Huỳnh Ngọc Gi (sinh ngày 21/5/2006, trú tại phường Đ, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ), Phạm Thị Ngọc B (sinh ngày 30/10/2005, trú tại xã LK A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp), Trần Thị Tuyết L (sinh năm 1998, trú tại phường 5, thành phố Trà Vinh) và Nguyễn Thị Mỹ D (sinh năm 1998, trú tại xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp). Khai thác nhanh tại chỗ, Hồ Quang M, Trịnh Duy T, Nguyễn Xuân K, Khương Văn N và Trịnh Vũ Đức P đều khai nhận đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho bản thân và cho các đối tượng khác trong phòng hát sử dụng. Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với M, T, K, N và P, thu giữ trên mặt bàn trong phòng hát 01 đĩa sứ màu trắng; 01 vỏ túi nilon màu trắng, viền đỏ; 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng; 01 thẻ Ngân hàng Sacombank (trên bề mặt các đồ vật này đều bám dính chất bột màu trắng, nghi là ma túy); 01 túi nilon màu trắng, viền xanh bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng (nghi là ma túy); 01 bật lửa ga, đã qua sử dụng và 800.000 đồng tại túi quần của N. Sau khi thu giữ Công an đã tiến hành niêm phong các vật chứng, đưa các đối tượng về Công an huyện Yên Định để điều tra làm rõ.

Tại bản kết luận giám định số 671/PC09 ngày 31/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất bột màu trắng bám dính trên 01 đĩa sứ màu trắng là ma túy, có tổng khối lượng 0,007 gam, loại Ketamine; chất bột màu trắng bám dính trên vỏ túi nilon màu trắng, viền đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 0,019 gam, loại MDMA; chất bột màu trắng bám dính trên ống hút được cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng và chất bột màu trắng bám dính trên thẻ Ngân hàng Sacombank là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng; các hạt tinh thể màu trắng đựng trong túi nilon màu trắng, viền xanh là ma túy, có tổng khối lượng 1,331 gam, loại Ketamine.

Quá trình điều tra đã xác định: Vào chiều tối ngày 25/01/2021, Hồ Quang M, Trịnh Duy T, Nguyễn Xuân K, Khương Văn N và Trịnh Vũ Đức P ăn cơm, uống rượu tại quán ăn Bông Giấy 1 ở thị trấn QL, huyện Yên Định. Trong khi

uống rượu, M rủ cả bọn góp tiền đi hát và mua ma túy sử dụng, nhưng không ai có sẵn tiền nên M nói sẽ bỏ tiền trước để mua ma túy, hết bao nhiêu mọi người chia nhau. Cả bọn đồng ý và thống nhất giao cho T đặt phòng hát tại quán karaoke Họa Mi và đi mua ma túy. Sau đó, P chở M về tắm, T và K cũng đi về nhà, còn N đi đến quán nước Hẻm Quán gần đó ngồi chờ, một lát sau thì có P quay lại. Một lúc sau, M gọi P đón M ra quán nước. Khi M và P đến quán nước thì T cũng có mặt ở đó. M đưa cho T 10.000.000 đồng để mua ma túy. T gọi điện thoại cho một người tên Tiến (T lưu tên trong danh bạ là “Tiến KTM”) đặt mua 01 chỉ Ketamine và 05 viên ma túy dạng kẹo. Sau đó, cả bọn di chuyển đến quán Karaoke Họa Mi. Trên đường đi, N gặp L và X (là bạn N) nên rủ đi hát luôn. Khi cả bọn đến quán Họa Mi, thì K cũng vừa đến nơi. T vào đặt phòng hát và yêu cầu 05 nhân viên rót bia, hát cùng thì được quán bố trí hát tại phòng Vip 2 và 05 nhân viên phục vụ là Hồ Thị Ngọc Tr, Huỳnh Ngọc Gi, Phạm Thị Ngọc B, Trần Thị Tuyết L, Nguyễn Thị Mỹ D. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi cả bọn đang hát thì có người gọi cho T để đưa ma túy. Do điện thoại sắp hết pin, nên T mượn điện thoại của N gọi lại cho người này và hẹn đem ma túy đến quán Họa Mi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T sử dụng điện thoại của N gọi người đưa ma túy thì người này nói đã đến cổng quán Họa Mi. T đưa lại số tiền 10.000.000 đồng cho N, bảo N ra cổng lấy ma túy. N cầm tiền đi ra cổng thì được 01 người nam giới ngồi trong xe ô tô 04 chỗ, màu trắng (N không rõ biển kiểm soát) đưa cho 02 túi ma túy loại Ketamine và 01 túi có 05 viên ma túy dạng kẹo. N cầm ma túy, thanh toán tiền hết 9.200.000 đồng, còn lại 800.000 đồng, N cất vào túi quần rồi đi vào phòng hát. Khi vào phòng, N lấy 05 viên ma túy dạng kẹo bẻ nhỏ chia cho mỗi người trong phòng một phần sử dụng. Tiếp đến, N lấy đĩa đựng hoa quả có sẵn trong phòng lau khô, rồi đổ 01 túi ma túy (Ketamine) lên đĩa rồi dùng bật lửa, thẻ Ngân hàng Sacombank có sẵn trong phòng “xào” và kẻ ma túy thành các đường “Ke” để tiện cho việc sử dụng, còn lại 01 túi ma túy (Ketamine) N đưa cho lại M cất để lát sử dụng tiếp. Sau đó, N lấy ống hút được cuộn từ tờ tiền Polyme 20.000 đồng có sẵn trong phòng sử dụng ma túy trước, để đĩa ma túy và ống hút trên bàn, rồi mời mọi người trong phòng hát sử dụng. Đến 01 giờ 00 phút ngày 26/01/2021, khi các đối tượng trên đang sử dụng trái phép ma túy, thì bị Công an vào kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang như đã nêu trên.

Về người tên Tiến đã giao dịch bán ma túy cho T và người đưa ma túy cho N, T và N khai không quen biết và không cung cấp được các thông tin về nhân thân của những người này. Quá trình điều tra xác minh các số điện thoại mà T đã giao dịch mua ma túy xác định: Số điện thoại 0329 441 570 mang tên chủ thuê bao là Lê Thị Hòa (sinh năm 1981, trú tại số 04 đường Thế Lữ, phường Đông P, thành phố Thanh Hóa) và số điện thoại 0984 502 150 mang tên chủ thuê bao là Nguyễn Vũ Thùy Trang (sinh năm 1987, trú tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Quá trình điều tra, chị Hòa khai hiện tại chị không còn sử dụng số điện thoại này do bị mất từ lâu, còn chị Trang khai chị chưa từng sử dụng số thuê

bao trên và trong ngày 25/01/2021 họ không giao dịch bán ma túy. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án.

Đối với chủ quán Karaoke Họa Mi là anh Trần Ngọc H1, tại thời điểm các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại quán, anh H1 không biết nên không xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Công an huyện Yên Định đã xử phạt hành chính đối với anh H1 về hành vi để cho người khác lợi dụng sử dụng chất ma túy trong khu vực mình quản lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn H2 là người được anh H1 nhờ trông coi quán tại thời điểm các đối tượng sử dụng chất ma túy. Tuy nhiên quá trình điều tra, không xác định được H2 ở đâu nên chưa làm rõ được việc H2 có biết và có cho phép các đối tượng trên tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát hay không, nên chưa có căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với H2. Về vấn đề này, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn L, Vũ Thị X, Hồ Thị Ngọc Tr, Huỳnh Ngọc Gi, Phạm Thị Ngọc B, Trần Thị Tuyết L và Nguyễn Thị Mỹ D là những người được M, T, K, N và P cho sử dụng chất ma túy cùng, không tham gia việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Công an huyện Yên Định đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính những người này cùng với M, T, K, N và P về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, giải quyết vụ án, Hồ Quang M, Trịnh Duy T, Nguyễn Xuân K, Khương Văn N và Trịnh Vũ Đức P đã thành khẩn khai nhận về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của mình và đồng phạm.

Về vật chứng vụ án: Thông qua bắt người phạm tội quả tang, Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng như đã nêu trên. Ngoài ra quá trình điều tra bị cáo T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 S, màu vàng Gold, đã qua sử dụng bên trong có lắp sim với số thuê bao 0985 112 094; bị cáo N tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, đã qua sử dụng bên trong có lắp sim với số thuê bao 0949 973 128.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSÝĐ ngày 21/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định truy tố các bị cáo Hồ Quang M, Trịnh Duy T, Khương Văn N, Nguyễn Xuân K và Trịnh Vũ Đức P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo M, T, N, K và P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo M, T, N, K và P phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật để xử lý như sau:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm điểm u khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với T, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với K, P.

Xử phạt Hồ Quang M từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù. Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành án.

Xử phạt Khương Văn N, Nguyễn Xuân K, Trịnh Vũ Đức P mỗi bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù. Đối với K và P, tổng hợp với hình phạt tù của Bản án số 22/2020/HS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định, buộc K, P phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành án của các bị cáo.

Xử phạt Trịnh Duy T từ 05 năm đến 05 năm 03 tháng tù. Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói mở niêm phong; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ Ngân hàng Sacombank; 01 túi nilon màu trắng, viền đỏ, bên trong có bám dính chất bột màu trắng; 01 túi nilon màu trắng, viền xanh, bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng trong; 01 bật lửa ga và 02 sim điện thoại. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: Số tiền 820.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 S, màu vàng Gold; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen.

Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Thông qua tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Quang M, Trịnh Duy T, Khương Văn N, Nguyễn Xuân K và Trịnh Vũ Đức P hoàn toàn thừa nhận: Vào khoảng 01 giờ ngày 26/01/2021, tại phòng hát Víp 2 quán karaoke Họa Mi ở thôn

DY, xã ĐH, huyện Yên Định, Hồ Quang M, Trịnh Duy T, Khương Văn N, Nguyễn Xuân K và Trịnh Vũ Đức P đã có hành vi cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho bản thân và cho các đối tượng Nguyễn Văn L, Vũ Thị X, Hồ Thị Ngọc Tr, Huỳnh Ngọc Gi, Phạm Thị Ngọc B, Trần Thị Tuyết L và Nguyễn Thị Mỹ D cùng sử dụng, thì bị Công an huyện Yên Định phát hiện, bắt quả tang. Trong đó, tại thời điểm sử dụng trái phép chất ma túy, Hồ Thị Ngọc Tr mới 17 tuổi 03 tháng, Huỳnh Ngọc Gi mới 14 tuổi 08 tháng 05 ngày và Phạm Thị Ngọc B mới 15 tuổi 01 tháng 27 ngày.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết quả giám định ma túy cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo cùng một lúc tổ chức cho bản thân các bị cáo và 07 người khác sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó có 03 người đang trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi (Tr, Gi, Ngọc B). Các bị cáo và 07 người khác được các bị cáo tổ chức cho sử dụng trái phép chất ma túy đều không phải đối tượng nghiện ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo M, T, N, K và P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với 2 tình tiết định khung hình phạt là “Đối với 02 người trở lên” và “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định truy tố các bị cáo theo tội danh trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này còn có Nguyễn Văn L, Vũ Thị X, Hồ Thị Ngọc Tr, Huỳnh Ngọc Gi, Phạm Thị Ngọc B, Trần Thị Tuyết L và Nguyễn Thị Mỹ D, quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã chứng minh được những người này được các bị cáo M, T, N, K và P cho sử dụng trái phép chất ma túy, không tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với các bị cáo, nên không phạm tội.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, quan hệ pháp luật xâm phạm, tính chất của đồng phạm và vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự xã hội, xâm phạm đến sức khỏe con người và sự phát triển giống nòi của dân tộc, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và các tệ nạn xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, mới có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy đang diễn ra hết sức phức tạp trên địa bàn hiện nay.

Đánh giá tính chất của đồng phạm trong vụ án là đồng giản đơn. Trong đó bị cáo M có vai trò thứ nhất, là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng ma túy và cung cấp tiền cho các bị cáo khác mua ma túy về tổ chức sử dụng. T là người cầm tiền M đưa, liên hệ đặt mua ma túy, đặt phòng hát, N là người trực tiếp mua ma túy, phân chia và “xào” ma túy, mời các đối tượng khác sử dụng ma túy, nên T và N cùng giữ vai trò thứ hai. K và P cùng tham gia bàn bạc với các bị cáo khác thống nhất mua ma túy về tổ chức sử dụng, chia tiền và góp tiền sau, nên cùng giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo M, T và N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo K và P đã bị kết án phạt tù cho hưởng án treo về tội gây rối trật tự công cộng, lại thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, nên phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo M, T, N, K và P đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo T trong thời gian được tại ngoại chờ xét xử đã có công phát hiện tội phạm, kịp thời báo với cơ quan Công an huyện Yên Định để bắt quả tang một số đối tượng tại địa phương đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội đã lập công chuộc tội”, được quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo K có ông nội và bị cáo P có ông ngoại là người có công được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến, nên K và P được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản thân các bị cáo nhận thức rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để trừng trị và cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo không phải là đối tượng nghiện ma túy, cũng không thu được lợi ích vật chất nào từ việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mà nhất thời thực hiện hành vi, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, nên cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Đồng thời, khi quyết định hình phạt cần phải xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án để cá thể hóa hình phạt.

Bị cáo M có vai trò thứ nhất trong vụ án trong vụ án nên phải áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo N có vai trò thứ hai, nhân thân có 01 tiền sự, nên phải áp dụng mức hình phạt Tương xứng. Tuy nhiên, cần xem xét M và N có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, để giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo K và bị cáo P mặc dù có 01 tình tiết nặng trách nhiệm hình sự, nhưng có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có vai trò thứ yếu trong vụ án, nên áp dụng mức hình phạt thấp hơn bị cáo M. Các bị cáo K, P chưa chấp hành xong thời gian thử thách của án treo, nên khi quyết định hình phạt cần tổng hợp với hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Bị cáo K bị tạm giữ 03 ngày trong vụ án trước (từ 08/01/2020 đến 11/01/2020), nên được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Bị cáo T có vai trò thứ hai, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, sau khi phạm tội đã lập công chuộc tội, nên áp dụng điểm d khoản 1 Điều 3 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm u, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên áp dụng 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 16 ngày (từ 26/01/2021 đến 10/02/2021) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Qua xác minh tại gia đình các bị cáo và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, xác định các bị cáo làm nghề tự do, không có công việc và thu nhập ổn định, sống cùng bố mẹ, không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với toàn bộ bao gói mở niêm phong hoàn lại sau giám định; 01 túi nilon màu trắng, viền đỏ, bên trong có bám dính chất bột màu trắng là 0,009 gam ma túy loại MDMA và 01 túi nilon màu trắng, viền xanh, bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng trong là 1,231 gam là ma túy loại Ketamine là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ Ngân hàng Sacombank và 01 bật lửa ga đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 S màu vàng Gold, bên trong có lắp sim với số thuê bao 0985 112 094 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, bên trong có lắp sim với số thuê bao 0949 973 128 là phương tiện bị cáo T dùng để liên lạc mua ma túy, nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng là công cụ phạm tội và số tiền 800.000 đồng (thu giữ của N) là tiền bị cáo M đưa để mua ma túy, liên quan đến tội phạm, nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Hồ Quang M, Trịnh Duy T, Khương Văn N, Nguyễn Xuân K, Trịnh Vũ Đức P phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Quang M 07 (*Bảy*) năm 04 (*Bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/01/2021.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s, u khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm d khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Duy T 05 (*Năm*) năm 02 (*Hai*) tháng tù, được trừ đi 16 (*Mười sáu*) ngày tạm giữ, tạm giam trước đó, bị cáo còn phải chấp hành 05 (*Năm*) năm 01 (*Một*) tháng 14 (*Mười bốn*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Khương Văn N 07 (*Bảy*) năm 02 (*Hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/01/2021.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58, khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân K 07 (*Bảy*) năm 02 (*Hai*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 22/2020/HS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định, buộc bị cáo Nguyễn Xuân K phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 08 (*Tám*) năm 02 (*Hai*) tù, được trừ 03 ngày tạm giữ trong Bản án số 22/2020/HS-ST. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (*Tám*) năm 01 (*Một*) tháng 27 (*Hai mươi bảy*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/01/2021.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58, khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Vũ Đức P 07 (*Bảy*) năm 02 (*Hai*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù của Bản án số 22/2020/HS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định, buộc bị cáo Trịnh Vũ Đức P phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 08 (*Tám*) năm 08 (*Tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/01/2021.

3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ bao gói mở niêm phong; 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ Ngân hàng Sacombank; 01 túi nilon màu trắng, viền đỏ, bên trong có bám dính chất bột màu trắng là 0,009 gam ma túy loại MDMA; 01 túi nilon màu trắng, viền xanh, bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng trong là 1,231 gam là ma túy loại Ketamine và 01 bật lửa ga đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng; số tiền 800.000 đồng (thu giữ của N); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 S, màu vàng Gold, đã qua sử dụng, bên trong có lắp sim với số thuê bao 0985 112 094 (thu giữ của T) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có lắp sim với số thuê bao 0949 973 128 (thu giữ của N).

Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo phiếu nhập kho số NK 035 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định. Trong đó, các vật chứng gồm: Toàn bộ bao gói mở niêm phong; 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ Ngân hàng Sacombank; 01 túi nilon màu trắng, viền đỏ, bên trong có bám dính chất bột màu trắng; 01 túi nilon màu trắng, viền xanh, bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng trong và 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng đang được đựng trong một hộp giấy nhãn hiệu RedSpear được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Minh Tiến, Trần Thị Thúy Hằng, Đoàn Văn Hóa và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Số tiền 800.000 đồng hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định tại Kho bạc Nhà nước huyện Yên Định, theo Ủy nhiệm chi lập ngày 01/6/2021 của đơn vị trả tiền là Công an huyện Yên Định.

5. Về án phí: Căn điểm khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo M, T, N, K và P, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên quyền kháng cáo bản án cho các bị cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Dung